

Số: ~~2631~~ / HD-SXD

Đồng Nai, ngày 14 tháng 6 năm 2018

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ
KHÔNG GỬI
VĂN BẢN GIẤY

HƯỚNG DẪN
XÁC ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Văn bản số 5642/UBND-KT ngày 05/6/2018 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Sở Xây dựng hướng dẫn cụ thể một số nội dung được quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị như sau:

I. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1.1. Hướng dẫn này quy định việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được áp dụng cho các công tác dịch vụ sau:

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị;
- Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;
- Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị;
- Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý công viên, vườn thú.

1.2. Riêng đối với công tác dịch vụ công ích ngoài đô thị được thực hiện như đối với quy định của công tác dịch vụ công ích đô thị loại III ÷ V.

1.3. Hướng dẫn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định và quản lý chi phí các dịch vụ công ích đô thị nêu trên.

2. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị

2.1. Chi phí các dịch vụ công ích đô thị phải được tính đúng, tính đủ, phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện thực hiện, phù hợp với mặt bằng giá thị trường và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2.2. Chi phí các dịch vụ công ích đô thị được xác định theo hướng dẫn này là cơ sở để xác định dự toán chi phí; xem xét, quyết định giá dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc cung ứng các dịch vụ công ích đô thị và là căn cứ để thương thảo, ký kết hợp đồng, thanh toán và quyết toán hợp đồng thực hiện các dịch vụ này.

2.3. Việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị phải tuân thủ các quy định có liên quan đến sản xuất và cung ứng các sản phẩm dịch vụ công ích đô thị.

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

1. Nội dung dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị bao gồm các khoản: chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu; chi phí nhân công; chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công), chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức và thuế giá trị gia tăng (nếu có). Tổng hợp dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 kèm theo hướng dẫn này.

2. Xác định các thành phần chi phí trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

2.1. Chi phí trực tiếp (CP_{TT}) gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công. Xác định chi phí trực tiếp theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 kèm theo hướng dẫn này.

2.2. Chi phí quản lý chung (C) bao gồm các chi phí có tính chất chung chi cho bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp, các chi phí gián tiếp phục vụ cho công tác quản lý, chi phí phục vụ công nhân (bao gồm cả chi phí bảo hộ lao động, chi phí công cụ lao động), chi trả lãi vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chi phí xã hội mà người sử dụng lao động phải nộp cho nhà nước (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), các khoản phí, lệ phí, chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng nhà xưởng (nếu có); chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định phục vụ cho bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp, chi phí thuê kiểm toán của doanh nghiệp và các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp khi thực hiện cung ứng dịch vụ công ích đô thị.

Chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí nhân công trực tiếp và được quy định theo tỷ lệ dưới đây:

Đơn vị tính: %

TT	Loại dịch vụ công ích	Loại đô thị		
		I	II	III ÷ V
1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị	50	47	45
2	Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị	48	45	42
3	Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị; Quản lý công viên, vườn thú và các công tác dịch vụ công ích ngoài đô thị.	45	44	42

Đối với công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công > 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được xác định theo định mức tỷ lệ là 2,5% chi phí xe, máy, thiết bị thi công.

2.3. Lợi nhuận định mức (LN) được tính với tỷ lệ là 4% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

2.4. Thuế giá trị gia tăng (T) (nếu có): Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Đối với một số dịch vụ công ích đô thị không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, được tính bổ sung thuế giá trị gia tăng của chi phí đầu vào.

III. QUẢN LÝ CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

1. Định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị do Bộ Xây dựng công bố là cơ sở để vận dụng, áp dụng trong quá trình xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

2. Đối với các định mức cho các công tác dịch vụ công ích đô thị đã có trong hệ thống định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị do Bộ Xây dựng công bố nhưng chưa phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện cụ thể của nơi thực hiện công tác dịch vụ công ích đô thị thì Chủ đầu tư tổ chức, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp hoặc vận dụng các định mức tương tự đã sử dụng ở công trình khác, thống nhất với Sở Xây dựng trình người quyết định đầu tư quyết định trước khi áp dụng.

3. Các bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị đã được UBND tỉnh công bố áp dụng theo Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 về việc công bố các bộ đơn giá dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm:

- Đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị.
- Đơn giá thu gom, vận chuyển, chất thải rắn đô thị.
- Đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị.
- Đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kể từ ngày 15/02/2018, tất cả các công tác dịch vụ công ích đô thị thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều phải áp dụng việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị theo Hướng dẫn này. Các dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Chủ đầu tư tiếp tục tổ chức đấu thầu theo quy định. Đối với các công tác dịch vụ công ích thực hiện chỉ định thầu hoặc đặt hàng nếu chưa ký kết hợp đồng thì điều chỉnh dự toán chi phí theo quy định tại Hướng dẫn này để thực hiện.

2. Đối với các hợp đồng đã được ký kết trước ngày 15/02/2018 thì thực hiện theo nội dung của hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp và nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng Tỉnh Ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành trong tỉnh;
- UBND các huyện, T.X Long Khánh, T.P Biên Hòa;
- Các Ban QLDA trong tỉnh;
- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tải);
- Các Trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, KT-VLXD(Minh).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Hoàng

PHỤ LỤC SỐ 01

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 4631/HD-SXD ngày 14/6/2018 của Sở Xây dựng Đồng Nai)

TT	Nội dung	Cách tính
1	Chi phí trực tiếp (CP _{TT})	VL + NC + M
1.1	Chi phí vật liệu (VL)	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{VL}$
1.2	Chi phí nhân công (NC)	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{NC} \times (1 + K_{nc})$
1.3	Chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công (M)	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^M \times (1 + K_{mtc})$
2	Chi phí quản lý chung (C)	NC/M x tỷ lệ %
3	Lợi nhuận định mức (LN)	(CP _{TT} + C) x tỷ lệ %
4	Thuế giá trị gia tăng (nếu có) (T)	T
	Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị (DT _{CP})	CP _{TT} + C + LN + T

Trong đó:

- Q_j là khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị thứ j ($j=1 \div n$).
- D_j^{VL} , D_j^{NC} , D_j^M là đơn giá vật liệu; đơn giá nhân công; đơn giá xe, máy, thiết bị thi công của công tác dịch vụ công ích đô thị thứ j.
- K_{nc} ; K_{mtc} là hệ số điều chỉnh nhân công; xe, máy, thiết bị thi công (nếu có).
- C là chi phí quản lý chung, được xác định bằng tỷ lệ % so với chi phí nhân công trực tiếp hoặc so với chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công.
- LN là lợi nhuận định mức, được xác định bằng tỷ lệ 4% so với chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung.
- T là thuế giá trị gia tăng (nếu có); hoặc thuế giá trị gia tăng của chi phí đầu vào đối với một số dịch vụ công ích đô thị không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.
- DT_{CP}: Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị.

PHỤ LỤC SỐ 02

CHI PHÍ TRỰC TIẾP TRONG DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ

CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-SXD ngày /6/2018 của Sở Xây dựng Đồng Nai)

$$\text{Chi phí trực tiếp} = \sum \frac{\text{Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị}}{\text{Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị}} \times \text{Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị}$$

1. Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị được xác định trên cơ sở kế hoạch theo định kỳ hoặc nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị bao gồm đơn giá vật liệu; đơn giá nhân công; đơn giá sử dụng xe, máy, thiết bị thi công.

a) Đơn giá vật liệu là chi phí của các vật liệu được sử dụng để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị, được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá vật liệu cho một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị} = \sum \frac{\text{Định mức hao phí từng loại vật liệu để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị}}{\text{Giá của từng loại vật liệu tương ứng}} \times \text{Giá của từng loại vật liệu tương ứng}$$

- Định mức hao phí từng loại vật liệu để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị theo định mức dự toán do Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Giá của từng loại vật liệu là giá thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh và được xác định trên cơ sở giá do địa phương công bố, báo giá của các nhà sản xuất hoặc giá đã được áp dụng cho các công việc tương tự có cùng tiêu chuẩn (giá vật liệu cấu thành trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

b) Đơn giá nhân công là toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá nhân công cho một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị} = \sum \frac{\text{Định mức hao phí ngày công cấp bậc để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị}}{\text{Đơn giá ngày công theo cấp bậc của nhân công trực tiếp tương ứng}} \times \text{Đơn giá ngày công theo cấp bậc của nhân công trực tiếp tương ứng}$$

- Định mức hao phí ngày công cấp bậc để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị theo định mức dự toán do Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Đơn giá ngày công theo cấp bậc của nhân công trực tiếp được xác định theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh) công bố.

c) Đơn giá sử dụng xe, máy, thiết bị thi công là chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công trực tiếp để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá sử dụng xe,} \\ \text{máy, thiết bị thi công} \\ \text{cho một đơn vị khối} \\ \text{lượng công việc dịch} \\ \text{vụ công ích đô thị} \end{array} = \Sigma \begin{array}{l} \text{Định mức hao phí ca} \\ \text{xe, máy, thiết bị thi} \\ \text{công của từng loại xe,} \\ \text{máy, thiết bị thi công} \\ \text{để thực hiện một đơn} \\ \text{vị khối lượng công} \\ \text{việc dịch vụ công ích} \\ \text{đô thị} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá ca xe, máy, thiết} \\ \text{bị thi công tương ứng} \end{array}$$

- Định mức hao phí ca xe, máy, thiết bị thi công của từng loại xe, máy, thiết bị thi công để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị theo định mức dự toán do Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Giá ca xe, máy, thiết bị thi công được xác định trên cơ sở vận dụng theo phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình do Bộ Xây dựng hướng dẫn hoặc theo giá ca xe, máy, thiết bị thi công do địa phương quy định. Đơn giá ngày công thợ điều khiển máy trong giá ca xe, máy, thiết bị thi công được xác định như cách xác định tiền lương ngày công cấp bậc của nhân công trực tiếp./.